

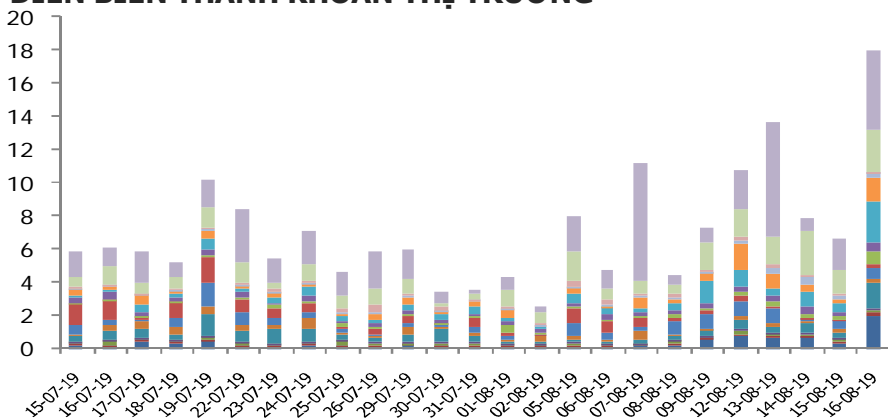
# COVERED WARRANTS – TRỌN MỘT TUẦN VUI!

MBS Research | BÀN TIN COVERED WARRANTS | 16/08/2019

## THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CW

Số lượng mã CW	16
Số lượng mã cổ phiếu cơ sở	7
Phân bù rủi ro bình quân	15,18
Tỷ lệ đòn bẩy bình quân	4,3x
Ngày giao dịch cuối cùng trung bình	2-11-2019

## DIỄN BIẾN THANH KHOẢN THỊ TRƯỜNG



## 5 MÃ CW CÓ TỔNG ĐIỂM CHẤT LƯỢNG CAO NHẤT

Mã CW	Điểm chất lượng					Tổng điểm
	Q(E)	Q(S)	Q(T)	Q(I)	Q(P)	
CMBB1901	■	■	■	■	■	4,6
CFPT1901	■	■	■	■	■	4,4
CMWG1903	■	■	■	■	■	4,2
CFPT1902	■	■	■	■	■	4
CMWG1904	■	■	■	■	■	4

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM

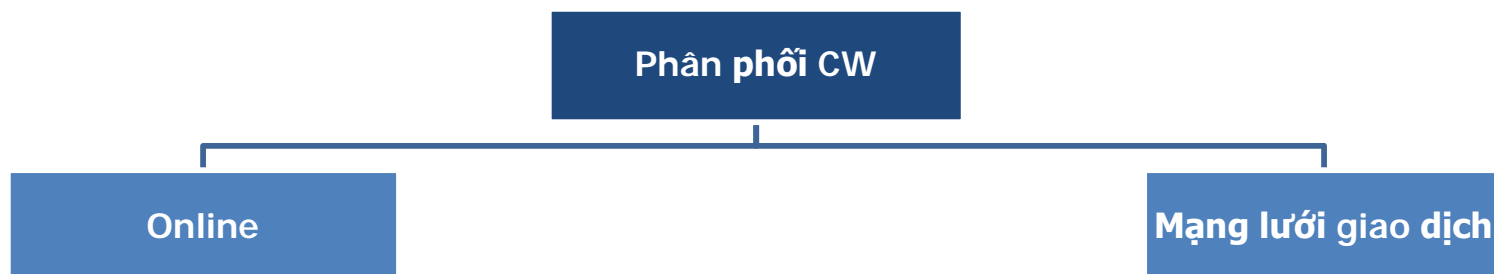
- Thị trường chứng quyền tiếp tục duy trì sắc xanh trong phiên giao dịch cuối tuần, bất chấp chỉ có 2/6 mã cơ sở tăng phiên này. Thị trường chốt tuần bằng phiên giao dịch bùng nổ, cả khối lượng và giá trị giao dịch đều đạt mức cao nhất từ trước tới nay. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng chủ yếu ở 2 mã: CHPG1902 và CFPT1903 trong khi mua ròng ở: CVNM1901 và CMWG1904.
- Chốt phiên cuối tuần, đã có hơn 3,72 triệu chứng quyền được chuyển nhượng thành công với giá trị giao dịch đạt khoảng 18,05 tỷ đồng. So với phiên hôm qua, khối lượng CW tăng 102% kéo theo giá trị giao dịch cũng tăng 170%. Thanh khoản thị trường vượt ngưỡng bình quân 5 phiên trước 63,8% về khối lượng và 94,5% về giá trị. Độ rộng thị trường được ghi nhận ở mức tích cực, có 10 mã tăng và 6 mã giảm. Thanh khoản quy đổi ở các mã tăng chiếm tới 84% toàn thị trường so với mức 16% ở các mã giảm.
- Thanh khoản quy đổi vẫn co cụm ở 3 mã nổi bật là: CMBB1901(29%), CFPT1902(13,7%), CFPT1901(11,2%),...
- Thị trường đã tăng 8 phiên liên tiếp với tỷ lệ các mã tăng chiếm bình quân hơn 76,6% toàn thị trường. Mức lãi T3 cũng được duy trì sang phiên thứ 7 với tỷ suất lợi nhuận bình quân đạt 15%. Ngoại trừ 2 mã CHPG1902 và CVNM1901, nhà đầu tư mua bất kỳ mã CW nào còn lại trong 4 phiên vừa cũng đều có lãi.
- Chốt tuần, đã có 15 mã tăng và 1 mã giảm so với cuối tuần trước. Mức lãi bình quân đạt 25%, cao nhất trong 5 tuần vừa qua. Khối lượng giao dịch bình quân đạt 2,62 triệu chứng quyền và giá trị giao dịch bình quân đạt 11,4 tỷ đồng, mức cao nhất trong 6 tuần. So với tuần trước, khối lượng tăng 44,6% trong khi giá trị giao dịch tăng 59,7%.
- Tóm lại, nhà đầu tư đã có trọn một tuần vui, mức lãi bình quân tuần vừa qua đạt 25% trong khi lãi T3 cũng kéo dài sang phiên thứ 7 liên tiếp, rất hấp dẫn so với thị trường cơ sở có những phiên trời sục. Nhà đầu tư nên chốt lãi dần dần, giữ lại những mã có thời gian đáo hạn còn lại dài và có thông số kỹ thuật tốt.

## MBS DỰ KIẾN PHÁT HÀNH SẢN PHẨM CW MỚI

THÔNG TIN - Chứng quyền MUA	CFPT01MBS19CE
Nhà phát hành	MBS
Cổ phiếu cơ sở	FPT
Giá thực hiện	52.000 VNĐ
Tỷ lệ thực hiện	3:1
Quyền phí	1.700 VNĐ
Khối lượng phát hành	3.000.000
Kỳ hạn	3 tháng
Ngày phát hành	19/08/2019
Ngày đáo hạn	19/11/2019

THÔNG TIN - Chứng quyền MUA	CREE01MBS19CE
Nhà phát hành	MBS
Cổ phiếu cơ sở	REE
Giá thực hiện	37.550 VNĐ
Tỷ lệ thực hiện	3:1
Quyền phí	1.260 VNĐ
Khối lượng phát hành	3.000.000
Kỳ hạn	3 tháng
Ngày phát hành	19/08/2019
Ngày đáo hạn	19/11/2019

## QUY TRÌNH ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG QUYỀN SƠ CẤP



Phân phối theo hình thức FIFO: Mua trước khớp trước cho tới khi hết khối lượng chào bán

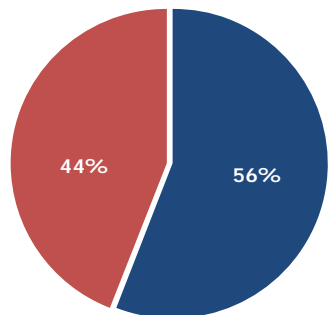
**Thời hạn NĐT đăng ký mua dự kiến: 19/08/2019 – 21/08/2019**

KHUYẾN NGHỊ - CHỐT LỜI		CFPT1903
Cổ phiếu cơ sở	FPT	
Giá thực hiện	45140 đồng (ITM 13,19%)	
Tỷ lệ thực hiện	0,9812:1	
Ngày giao dịch cuối cùng	26-12-2019	
Số ngày còn lại	136 ngày	

### CHỈ SỐ KỸ THUẬT - CFPT1903

Tiêu chí	Điểm chất lượng
Đòn bẩy hiệu quả	2,99 lần
Độ nhạy	4,20
Hao mòn thời gian	0%
Độ biến động nội hàm	71,64%
Phần bù rủi ro	10,39%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	<b>KHÁ</b>
<b>Phù hợp</b>	
Nhà đầu tư ngắn hạn (≤5 ngày)	
Nhà đầu tư trung dài hạn (>5 ngày)	

### CẤU THÀNH GIÁ TRỊ



■ Giá trị nội tại (VND)  
■ Giá trị thời gian (VND)

### KHUYẾN NGHỊ CHỨNG QUYỀN

Chúng tôi khuyến nghị CHỐT LỜI đối với CW CMWG1903 đã được khuyến nghị trong các bản tin trước, dựa trên các luận điểm sau:

- CW hiện đang ở trạng thái ITM 13,19%, với đòn bẩy hiệu quả đã giảm xuống mức 2,99 lần. Chứng quyền CFPT1903 còn thời gian giao dịch dài (133 ngày) với độ biến động nội hàm 71,64% và phần bù rủi ro 10,39%.
- CW CFPT1903 đã ghi nhận 8 phiên tăng giá liên tiếp, với mức sinh lời T+3 và T+5 lần lượt đạt 25% và 55,09%.
- Về cổ phiếu cơ sở, FPT vừa ghi nhận một phiên điều chỉnh kỹ thuật sau nhiều phiên tăng giá liên tiếp. Trong khi đó, bằng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 61.700 đồng (tăng 18,65% so với giá ngày 16/08).

### ĐỒ THỊ CHỨNG QUYỀN

Diễn biến giá CPCS và Chứng quyền  
So sánh giá FPT và CFPT1903



## CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

FPT	2016	2017	2018	6T2019
Doanh thu (tỷ vnd)	39.531	42.659	23.214	12.492
Lãi ròng (tỷ vnd)	1.991	2.932	2.620	1.780
EPS (vnd)	4.333	5.521	4.270	2.097
ROA( )	7,1%	10,7%	9,6%	
ROE( )	18,4%	23,8%	18,7%	
P/E (lần) (TTM EPS)	10,69	8,39	10,84	12,23
P/B (lần) (TTM BVPS)	2,23	2,15	2,28	2,70

## CHỈ TIÊU KỸ THUẬT

Các đường trung bình động			Chỉ báo kỹ thuật	Hành động
Kỳ	SMA	EMA	RSI(14)	Overbought
MA5	52,006	51,716	STOCH(9,6)	Sell
	Sell	Buy	Fear Greed	Buy
MA10	50,445	50,937	MACD(12,26)	Buy
	Buy	Buy	ADX(14)	Buy
MA20	49,480	49,776	Williams %R	Buy
	Buy	Buy	CCI(14)	Buy
MA50	47,425	47,863	MAOs	Buy
	Buy	Buy	Momentum	Sell
MA100	45,442	45,755	Bollinger band	Buy
	Buy	Buy	ROC	Buy
MA200	42,052	43,829	Psar	Buy
	Buy	Buy		Buy

Buy: 11; Sell: 01;

Buy: 9; Sell: 2;

Summary: **BUY**Summary: **BUY**

## NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

- FPT là doanh nghiệp đi đầu trong cách mạng 4.0: (i) tiến hành vận hành xe tự lái tại Ecopark hợp tác với yamaha; (ii) Bổ sung 3 chuyên ngành mới như IoT; trí tuệ nhân tạo và Digital Marketing tại đại học FPT liên kết với đại học công nghệ Swinburne là trường top 10 về công nghệ tại Úc.
- Xuất khẩu phần mềm tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của FPT với tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm. Các hoạt động M&A đảm bảo FPT cung cấp các giải pháp công nghệ tổng thể với giá trị cao hơn và toàn diện hơn.
- 7T2019 doanh thu FPT đạt 14.742 tỷ đồng tăng trưởng 21,8% và LNTT đạt 2.114 tỷ đồng tăng trưởng 26,8% so với cùng kỳ năm trước. EPS 7 tháng đạt 2.495 đồng tăng 28,6%. Khối Công nghệ ghi nhận DT và LNTT đạt lần lượt 8.218 tỷ đồng và 1.036 tỷ đồng, tăng tương ứng 26,7% và 43,4% so với cùng kỳ. Thị trường nước ngoài mang về cho FPT 6.169 tỷ đồng DT, tăng 32,7% và 966 tỷ đồng LNTT tăng 34,5%
- Bảng phương pháp định giá so sánh P/E và chiết khấu dòng tiền, chúng tôi định giá cổ phiếu FPT với giá mục tiêu 1 năm là 61.700 đồng (tăng 18,65% so với giá ngày 16/08).

## ĐỒ THỊ CỔ PHIẾU CƠ SỞ - FPT

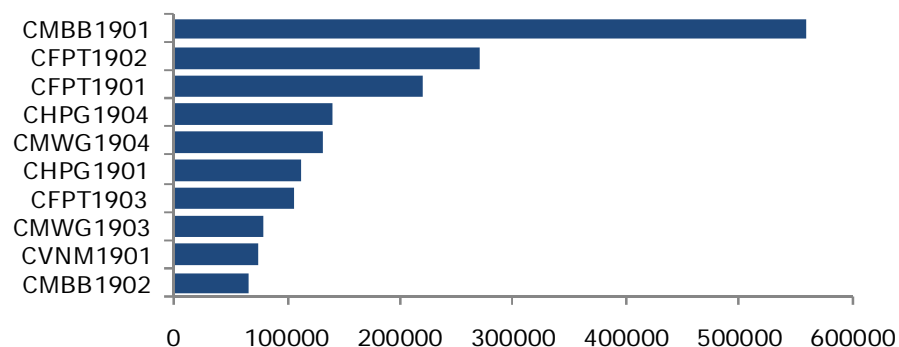
Đồ thị kỹ thuật cổ phiếu FPT  
Điều chỉnh kỹ thuật



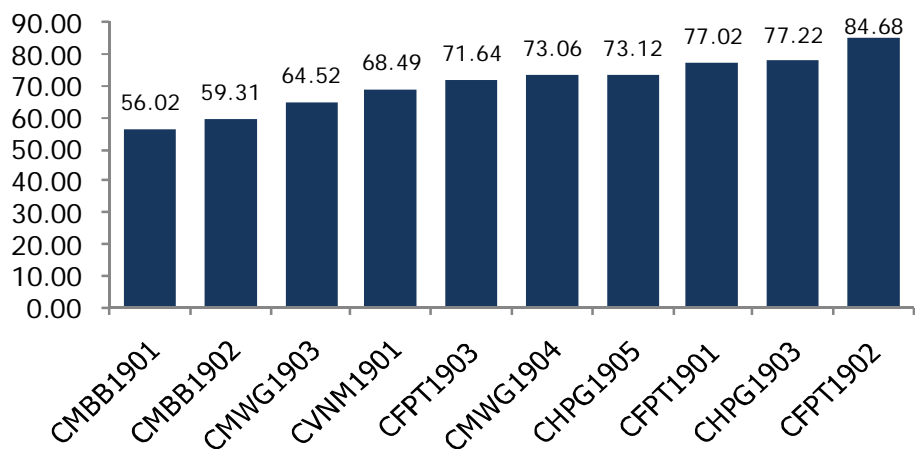
### 5 MÃ CW CÓ MỨC SINH LỜI T+3 CAO NHẤT

Mã CW	1 ngày (%)	3 ngày (%)	5 ngày (%)	YTD (%)
CFPT1902	24,88	36,85	70,77	99,80
CVNM1901	20,83	26,09	10,13	-28,69
CFPT1903	10,62	25,00	55,09	85,74
CFPT1901	12,20	20,73	39,39	70,37
CHPG1904	0,40	19,52	46,78	9,13

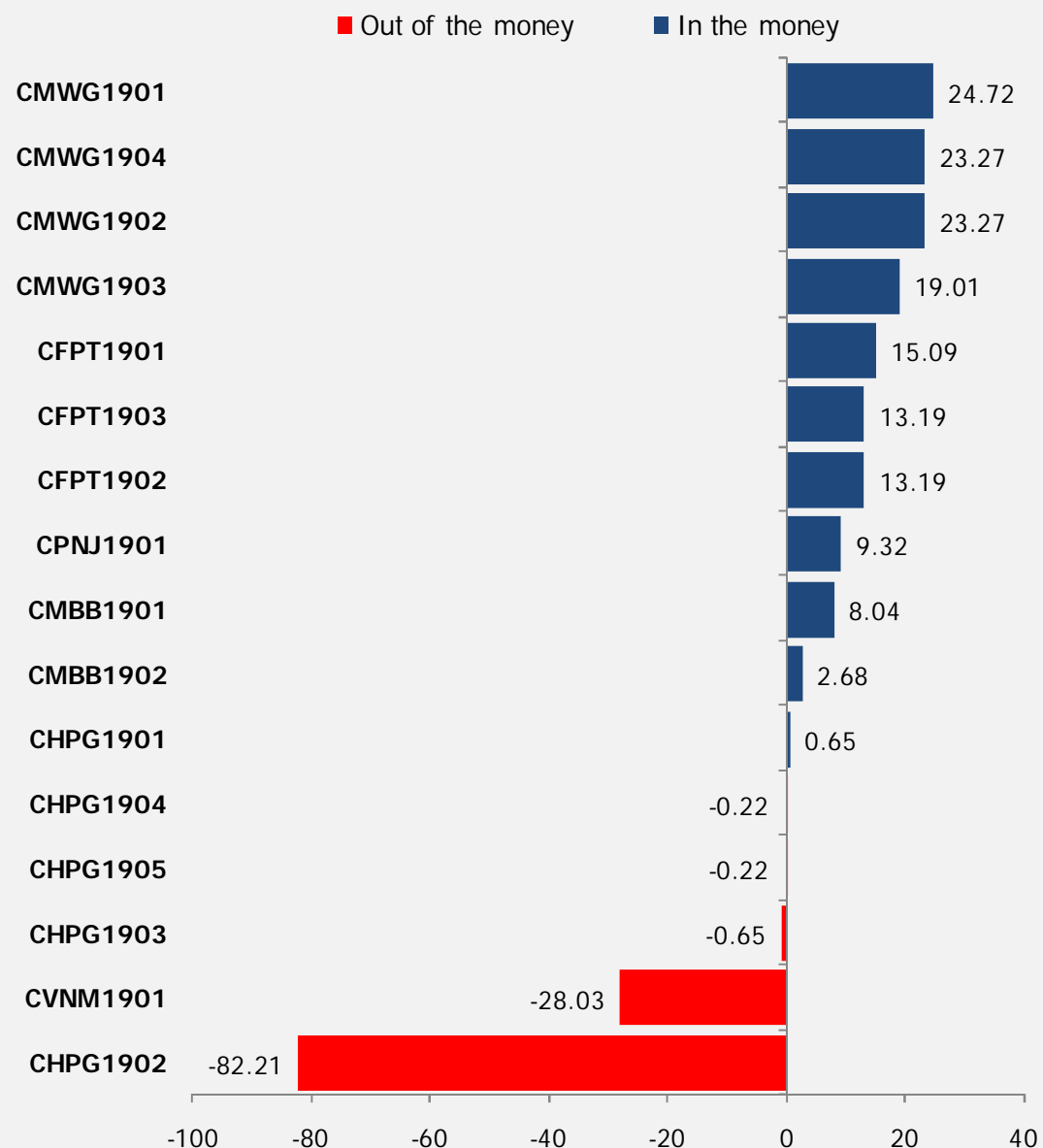
### 10 MÃ CW CÓ KLGD QUY ĐỔI CPCS CAO NHẤT



### 10 MÃ CW CÓ ĐỘ BIẾN ĐỘNG NỘI HÀM THẤP NHẤT



### TRẠNG THÁI LÃI/LỖ CỦA CW LƯU HÀNH TRÊN THỊ TRƯỜNG



## CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phân bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
1	CFPT1901	VND	FPT	1,96	44.150	9-9-19	52.000	-1,89	4.600	12,20	3.995	15,09	4,69	3,61	81,55	-0,01	77,02	2,29	431.530	2,00
2	CFPT1902	SSI	FPT	0,98	45.140	26-9-19	52.000	-1,89	9.990	24,88	7.011	13,19	3,89	5,25	73,38	-0,01	84,68	5,66	264.600	2,44
3	CFPT1903	SSI	FPT	0,98	45.140	26-12-19	52.000	-1,89	12.500	10,62	7.293	13,19	2,99	4,20	70,61	0,00	71,64	10,39	104.520	1,37
4	CHPG1901	MBS	HPG	2,00	22.900	6-9-19	23.050	-0,86	1.150	-3,36	387	0,65	5,60	0,47	55,90	-0,06	92,95	9,33	226.590	0,27
5	CHPG1902	KIS	HPG	5,00	41.999	9-12-19	23.050	-0,86	500	-5,66	0	-82,21	2,97	0,00	32,21	-158,00	128,41	93,05	174.520	0,09
6	CHPG1903	VPS	HPG	2,00	23.200	10-9-19	23.050	-0,86	930	-2,11	328	-0,65	6,56	0,47	52,95	-0,05	77,22	8,72	104.780	0,10
7	CHPG1904	SSI	HPG	1,00	23.100	26-9-19	23.050	-0,86	2.510	0,40	-	-0,22	9,18	#DIV/0!	100,00	#VALUE!	0,00	11,11	140.260	0,33
8	CHPG1905	SSI	HPG	1,00	23.100	26-12-19	23.050	-0,86	4.050	5,19	1.605	-0,22	3,34	1,16	58,64	-0,01	73,12	17,79	18.910	0,08
9	CMBB1901	SSI	MBB	1,00	20.600	12-9-19	22.400	0,45	2.700	0,37	1.844	8,04	5,83	2,40	70,26	-0,01	56,02	4,02	557.680	1,52
10	CMBB1902	HSC	MBB	1,00	21.800	13-12-19	22.400	0,45	3.330	0,91	1.209	2,68	4,03	1,09	59,91	-0,01	59,31	12,19	67.110	0,23

### CHUYỂN ĐỘNG COVERED WARRANTS TRONG NGÀY

General Info							Price Guideline					Indicator								
STT	Mã	NPH	CPCS	Tỷ lệ thực hiện	Giá thực hiện	Ngày GD cuối cùng	Giá cơ sở (VND)	+/- %	Giá đóng cửa của CQ	+/- %	Giá lý thuyết theo BS	Trạng thái lãi/lỗ (%)	Đòn bẩy hiệu quả (lần)	Độ nhạy	Delta (%)	Hao mòn thời gian (%/ngày)	Độ biến động nội hàm (%)	Phần bù rủi ro (%)	KLGD	GTGD (Tỷ VND)
No	Code	Issuers	Underlying	Exercise Ratio	Exercise Price	Last trading date	Underlying price		CW Price		Black Scholes fair price	Moneyyness	Effective Gearing	Sensitivity	Delta	Time decay per day	Implied Volatility	CW Premium	Volume	Turnover
11	CMWG1901	BSC	MWG	4,00	88.300	5-9-19	117.300	-2,25	7.900	-1,25	7.250	24,72	3,22	1,99	86,81	-0,01	114,02	2,22	84.650	0,70
12	CMWG1902	VND	MWG	4,00	90.000	9-12-19	117.300	-2,25	9.500	-2,56	6.834	23,27	2,40	1,40	77,74	0,00	94,20	9,12	23.880	0,23
13	CMWG1903	HSC	MWG	5,00	95.000	24-12-19	117.300	-2,25	6.000	-4,76	4.504	19,01	3,00	1,15	76,80	0,00	64,52	6,56	400.290	2,54
14	CMWG1904	SSI	MWG	1,00	90.000	26-12-19	117.300	-2,25	35.000	1,45	27.366	23,27	2,66	6,20	79,30	0,00	73,06	6,56	132.190	4,81
15	CPNJ1901	MBS	PNJ	4,95	77.980	6-9-19	86.000	-0,69	3.150	0,32	1.655	9,32	3,73	0,72	67,62	-0,03	130,64	8,80	236.330	0,75
16	CVNM1901	KIS	VNM	10,00	158.888	11-12-19	124.100	1,72	870	20,83	4	-28,03	4,73	0,00	33,13	-1,92	68,49	35,04	755.190	0,61

Nguồn: Bloomberg

## BẢNG CHÚ GIẢI THUẬT NGỮ COVERED WARRANT

Thuật ngữ	Chú giải
<b>Đòn bẩy hiệu quả</b> (Effective Gearing)	Đòn bẩy hiệu quả cho biết thay đổi giá của CW nếu giá tài sản cơ sở thay đổi 1%. Ví dụ một CW có đòn bẩy hiệu quả là 10 lần, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1%, giá CW sẽ thay đổi xấp xỉ khoảng 10%. Đòn bẩy hiệu quả càng cao, tỷ lệ lãi/lỗ của nhà đầu tư vào CW đó càng lớn.
<b>Độ nhạy</b> (Sensitivity)	Độ nhạy đo lường mức độ dao động giá. Ví dụ một CW có độ nhạy là 2, có nghĩa là khi giá cổ phiếu cơ sở thay đổi 1 bước giá, giá CW sẽ thay đổi khoảng 2 bước giá. CW có độ nhạy càng cao sẽ có mức độ dao động giá càng rộng.
<b>Hao mòn thời gian</b> (Time decay per day)	Giá trị hao mòn thời gian là tỷ lệ mất giá của DW sau một ngày (nếu giả định các yếu tố khác không đổi). Nhà đầu tư nên tránh nắm giữ các DW có tỷ lệ hao mòn thời gian cao trong một thời gian dài.
<b>Độ biến động nội hàm</b> (Implied Volatility)	Độ biến động nội hàm là độ biến động hàm ý bởi mức giá thị trường của một CW. Chỉ số này dùng để so sánh hai CW có cùng cổ phiếu cơ sở. CW có độ biến động nội hàm càng cao thì CW đó càng đắt (nếu giả định các yếu tố khác không đổi).
<b>Phần bù rủi ro</b> (Warrant Premium)	Phần bù rủi ro cho biết mức độ đắt/rẻ nếu mua một CW và chuyển đổi sang cổ phiếu cơ sở so với việc mua một cổ phiếu cơ sở ngay tại thời điểm đó. Phần bù rủi ro của những CW kỳ hạn dài thường cao hơn so với CW kỳ hạn ngắn. Do đó, nhà đầu tư nên dùng phần bù rủi ro để so sánh những CW có kỳ hạn tương đương nhau.
<b>Giá trị nội tại</b> (Intrinsic Value)	Giá trị nội tại là khoản tiền mặt nhà đầu tư sẽ nhận được nếu thực hiện quyền ngay tại thời điểm hiện tại. Giá trị nội tại của CW luôn lớn hơn hoặc bằng 0. <b>Giá trị nội tại chứng quyền Mua = Max ((Giá hiện tại CPCS – Giá thực hiện) * Tỷ lệ thực hiện, 0);</b> <b>Giá trị nội tại chứng quyền Bán = Max ((Giá thực hiện - Giá hiện tại CPCS) * Tỷ lệ thực hiện, 0).</b>
<b>Giá trị thời gian</b> (Time Value)	Giá trị thời gian là mức chênh lệch giữa giá CW trên thị trường và giá trị nội tại. <b>Giá CW = Giá trị nội tại + Giá trị thời gian</b>
<b>Giá lý thuyết theo BS</b>	Mức giá lý thuyết của CW tính theo mô hình Black Scholes continuous của Bloomberg.



## HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ COVERED WARRANT

### 1. Xác định điểm chất lượng (Q-score) cho từng chỉ số của mỗi CW

Tiêu chí / Q-score	Không hấp dẫn Q (x) = 0	Ít hấp dẫn Q (x) = 1	Trung lập Q (x) = 2	Tương đối hấp dẫn Q (x) = 3	Hấp dẫn Q (x) = 4	Rất hấp dẫn Q (x) = 5
<b>Đòn bẩy hiệu quả (E)</b>	< 1	1,0 – 2,0	2,0 – 2,5	2,5 – 3,0	3,0 – 4,0	≥ 4
<b>Độ nhạy (S)</b>	< 0,2	0,2 – 0,4	0,4 – 0,7	0,7 – 1,0	1,0 – 1,5	≥ 1,5
<b>Hao mòn thời gian (T)</b>	> 3%	1,5 – 3%	0,75 – 1,5%	0,4 – 0,75%	0,2 – 0,4%	≤ 0,2%
<b>Độ biến động nội hàm (I)</b>	> 100%	85 – 100%	75 – 85%	65 – 75%	55 – 65%	≤ 55%
<b>Phần bù rủi ro (P)</b>	> 20%	16 – 20%	12 – 16%	8 – 12%	4 – 8%	≤ 4%

### 2. Tổng điểm chất lượng của CW là giá trị trung bình có trọng số của các chỉ số phụ được tính trong bước 1.

	Q (E)	Q (S)	Q (T)	Q (I)	Q (P)
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	40%	40%	20%	0%	0%
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	10%	10%	35%	10%	35%
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	20%	20%	20%	20%	20%

### 3. Đánh giá tổng điểm chất lượng của CW

Diễn giải	
<b>Tổng điểm ngắn hạn</b>	Nếu tổng điểm ngắn hạn >3 , CW phù hợp cho việc nắm giữ trong ngắn hạn (≤ 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm trung – dài hạn</b>	Nếu tổng điểm trung – dài hạn >3, CW phù hợp cho việc nắm giữ trong trung và dài hạn (> 5 phiên giao dịch)
<b>Tổng điểm chất lượng</b>	Tổng điểm chất lượng cho biết chất lượng tổng thể của CW

## TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2019 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

## MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

## MBS RESEARCH | BỘ PHẬN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	<a href="mailto:son.tranhoang@mbs.com.vn">son.tranhoang@mbs.com.vn</a>
Ngô Quốc Hưng	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hung.ngoquoc@mbs.com.vn">hung.ngoquoc@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Quỳnh Hoa	Chuyên gia Nghiên cứu cao cấp	<a href="mailto:hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn">hoa.nguyenquynh@mbs.com.vn</a>
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:quynh.phamvan@mbs.com.vn">quynh.phamvan@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Hòa Hợp	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:hop.nguyenhoa@mbs.com.vn">hop.nguyenhoa@mbs.com.vn</a>
Nguyễn Thị Hải Hà	Chuyên viên Nghiên cứu	<a href="mailto:ha.nguyenthihai@mbs.com.vn">ha.nguyenthihai@mbs.com.vn</a>